

Bản án số: 270/2025/DS-PT

Ngày: 04/12/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số: 36/2025/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 345/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 441/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (tên giao dịch: OCB). Hội sở chính: Số D, 45 đường L, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Nguyễn Xuân N, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ của O; địa chỉ: số B đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 16/2023/UQ-CT.HĐQT ngày 14/03/2023 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị OCB và Giấy ủy quyền số 56/2025/UQ-OCB ngày 11/11/2025 của Giám đốc Phòng G. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số G đường T, tổ G, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 2004; địa chỉ: Số I đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 2003; địa chỉ: Số F đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hữu Đăng K, sinh năm 1995; địa chỉ: Số I đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

Người đại diện ông K tham gia tố tụng tại Tòa án là: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Khu phố F, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ liên hệ: Số F đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng theo Giấy ủy quyền được công chứng ngày 24/11/2025. (Có mặt).

- Công ty B; địa chỉ: Tòa nhà G, số D đường T, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo:

- Ông Nguyễn Đình C, là bị đơn.

- Ông Nguyễn Văn M, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ, nội dung vụ án thể hiện qua lời trình bày như sau:

** Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P trình bày:*

Ngân hàng TMCP P và ông Nguyễn Đình C đã cùng nhau ký kết Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-O-CN ngày 01/3/2023 và Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KUNN-CN ngày 02/3/2023. Theo đó, Ngân hàng cho ông C vay số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động mua bán đồ gỗ; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: trong 03 tháng đầu tiên lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm, từ tháng 04 trở đi: lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 02/6/2023 theo công thức: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất tham chiếu (i) + Biên độ tối thiểu (ii), trong đó: (i) Lãi suất tham chiếu là lãi suất cơ sở kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất của Ngân hàng P ban hành; (ii) Biên độ tối thiểu là 3,6%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay, ông Nguyễn Đình C đã thế chấp cho Ngân hàng: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 17, tại số G đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309918, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 01282 do UBND quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/8/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0074/2023/BĐ-CN ngày 01/3/2023 được công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 000396, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

Ngày 02/03/2023, ông Nguyễn Đình C đã nhận số tiền vay và ký giấy nhận nợ tại Ngân hàng. Từ thời điểm nhận nợ cho đến nay, ông Nguyễn Đình C đã liên tiếp vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27/8/2025, ông Nguyễn Đình C chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 110.072.581 đồng, trong đó: Nợ

gốc chưa thanh toán đồng nào; nợ lãi trong hạn thanh toán: 110.072.257 đồng; nợ lãi quá hạn thanh toán: 324 đồng.

Nay đã quá thời hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện nhưng ông Nguyễn Đình C vẫn không thanh toán. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng TMCP P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Đình C phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ vay của Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 01/3/2023 và Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KUNN-CN ngày 02/3/2023 là: 1.979.556.484 đồng (Một tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 77.592.127 đồng, lãi quá hạn là 388.997.260 đồng, lãi phạt chậm trả là 12.967.097 đồng và lãi tiếp tục phát sinh từ ngày **28/8/2025** cho đến khi ông Nguyễn Đình C hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP P.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Đình C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP P được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế kê cả việc kê biên, phát mại, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0074/2023/BĐ-CN ngày 01/3/2023 để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P.

** Bị đơn ông Nguyễn Đình C trình bày:*

Khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023, ông C đến Ngân hàng TMCP P - Phòng G để vay số tiền 1.500.000.000 đồng và ông C đã trình bày thực tế là mình không có nguồn thu nhập ổn định để trả nợ gốc và lãi vay. Theo yêu cầu của ông Nguyễn Hữu Đăng K là nhân viên Ngân hàng TMCP P, ông C đã cung cấp bản photocopy các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Căn cước công dân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Sau đó, ông Nguyễn Hữu Đăng K mời ông C lên gặp bà Lương Thị Phương T là Giám đốc Phòng G, trao đổi những cam kết là ông C phải trả lãi trước cho Ngân hàng 100.000.000 đồng sau khi được giải ngân tiền vay 1.500.000.000 đồng, ông C đồng ý.

Ngày 28/02/2023, ông C thực hiện Hợp đồng mua bán xác nhà gỗ cũ với số tiền: 1.600.600.000 đồng, trong đó có tiền đặt cọc 100.600.000 đồng và sau khi ông C được Ngân hàng TMCP P giải ngân, chuyển khoản cho bên bán (Nguyễn Văn M) theo thông tin tài khoản 0702712102 tại Ngân hàng TMCP P là bên mua (Nguyễn Đình C) sẽ thanh toán dứt điểm số tiền 1.500.000.000 đồng cho bên bán (Nguyễn Văn M).

Ngày 01/3/2023, ông C ký Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0074/2023/BĐ-CN với Ngân hàng TMCP P. Ngày 03/3/2023, ông C yêu cầu Ngân hàng TMCP P chuyển số tiền: 1.500.000.000 đồng đến tài khoản: 0702712102 tại Ngân hàng TMCP P (O)

Chi nhánh T1, Đà Nẵng, tên chủ tài khoản là Nguyễn Văn M, sinh năm: 2003, địa chỉ: K đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 02/3/2023 có người tên Nguyễn Thị Hoài A (ông C không quen biết người này) đã chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông C. Ngày 03/3/2023, ông C đề nghị Ngân hàng TMCP P xem xét, gỡ số tiền 100.000.000 đồng của người mang tên Nguyễn Thị Hoài A ra khỏi thông tin tài khoản cá nhân của ông.

Ngày 06/3/2023, tại trụ sở Ngân hàng số C đường Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông C mới gặp bà Nguyễn Thị Hoài A lần đầu tiên và bà A đã thừa nhận là do Ngân hàng TMCP P áp đặt cho bà chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông C. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Hoài A đã thừa nhận: Bà xâm phạm nguồn tiền vay của ông C là: 1.500.000.000 đồng.

Thời điểm này, Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh T2 đã phong tỏa số tài khoản cá nhân của ông C và ông M. Đến ngày 30 hoặc ngày 31 tháng 3 năm 2023, Phòng G - Chi nhánh T2 Ngân hàng TMCP P hủy bỏ phong tỏa số tiền 1.370.000.000 đồng thuộc thông tin tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn M đã chuyển 1.370.000.000 đồng cho ông C. Hiện nay, giữa Ngân hàng TMCP P (O) với bà Nguyễn Thị Hoài A chưa có văn bản giải thích về số tiền: 30.000.000 đồng trong số tiền vay là: 1.500.000.000 đồng.

Vì vậy, ông C kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chấp nhận cho ông C là người vay tiền không có điều kiện, không có nguồn thu nhập, không có năng lực tài chính trả nợ số tiền vay 1.500.000.000 đồng và cho ông được quyền tự chuyển nhượng quyền sử dụng đất đang thế chấp, khi đó ông sẽ tất toán số tiền vay 1.500.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP P.

Ông C yêu cầu Ngân hàng O xóa lịch sử nguồn tiền 100.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Hoài A đã chuyển vì cho rằng việc này gây ảnh hưởng xấu đến lịch sử sử dụng thông tin tài khoản cá nhân của ông và chấm dứt lịch sử sao kê tài khoản ngày 02/3/2023 của bà Nguyễn Thị Hoài A đã giả tạo, thực hiện trái pháp luật thu trước tiền lãi trong số tiền gốc vay: 1.500.000.000 đồng của ông.

Ông C yêu cầu tuyên bố trái pháp luật các Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB ngày 01/3/2023 của Ngân hàng TMCP P Chi nhánh T2 - Phòng G đã giả tạo Hợp đồng cung cấp hàng hoá số 0162/HĐCC/2023 ngày 16/02/2023 do bà Nguyễn Thị Hoài A với N1 hành OCB giả tạo là vô hiệu và chấm dứt các hành vi vi phạm pháp luật do bà Nguyễn Thị Hoài A giả tạo bán gỗ lậu 1.855.000.000 đồng, giả tạo thanh toán đợt 1: 355.000.000 đồng và truy cứu trách nhiệm giả tạo để đón dòng tiền: 1.500.000.000 đồng của ông gây thiệt hại trực tiếp đến các quyền, lợi ích định đoạt tiền vay của ông C; Chấm dứt lịch sử sao kê tài khoản ngày 02/3/2023 của bà Nguyễn Thị Hoài A đã giả tạo cho ông C nhận nợ số tiền: 1.500.000.000 đồng theo các Hợp đồng giả tạo như đã nêu trên.

Ông C đề nghị xử lý nghiêm minh đối với Công ty B đã kết cấu với Ngân hàng O giả tạo mua bảo hiểm với số tiền: 20.000.000 đồng gây thiệt hại cho ông

C về tiền vay; xử lý nghiêm minh đối với bà Nguyễn Thị Hoài A điều khiển trái pháp luật đối với 100.000.000 đồng tiền vay của ông C để cho người khác thụ hưởng, gây thiệt hại cho ông C về số tiền vay.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần lượt trình bày:*

- Bà Nguyễn Thị Hoài A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hoài A không quen biết và không mua bán giao dịch gì với ông Nguyễn Đình C. Do bà A có tài khoản tại Ngân hàng O, số tài khoản là 0053100013074007 và biết việc ông Nguyễn Đình C thế chấp tài sản để vay tiền tại Ngân hàng, ông C nhờ bà A làm trung gian nhận tiền để hợp thức hoá giấy tờ tín dụng. Sau đó, bà A đã chuyển toàn bộ số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) lại cho ông Nguyễn Đình C vào số tài khoản 0050100006455005 của ông C.

Bà A không biết đến tình hình trả nợ của ông C với Ngân hàng O như thế nào, bà chỉ biết Biên bản cuộc họp ngày 28/3/2023 giữa Ngân hàng O và ông Nguyễn Đình C thì ông C cam kết thực hiện đúng nội dung Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 01/3/2023, đóng đúng tiền gốc, lãi hàng tháng theo Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KU'NN-CN ngày 02/3/2024 cho Ngân hàng. Bà A cho rằng việc tranh chấp giữa Ngân hàng O và ông Nguyễn Đình C không liên quan đến bà nên bà không có ý kiến.

- Ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ngày 28/02/2023, ông M thực hiện Hợp đồng mua bán xác nhà gỗ cũ với ông Nguyễn Đình C số tiền: 1.600.600.000 đồng, trong đó tiền đặt cọc: 100.600.000 đồng. Sau khi ông vay tiền của Ngân hàng O chi nhánh Đ, thì Ngân hàng O sẽ chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng còn lại cho ông Nguyễn Văn M theo tài khoản 0702712102 tại Ngân hàng O. Ngày 02/3/2023 có người tên Nguyễn Thị Hoài A (ông M không quen biết người này) chuyển số tiền: 1.370.000.000 đồng vào tài khoản của ông M.

Ngày 03/3/2023, ông M yêu cầu Ngân hàng O tại quận T, thành phố Đà Nẵng gỡ số tiền 1.370.000.000 đồng của người tên Nguyễn Thị Hoài A ra khỏi thông tin số tài khoản cá nhân của ông M.

Ngày 06/3/2023, tại trụ sở Ngân hàng O, số C đường Q, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông M mới gặp lần thứ nhất đối với bà Nguyễn Thị Hoài A và bà A đã thừa nhận là do Ngân hàng TMCP P (O) áp đặt cho bà chuyển số tiền 1.370.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của ông M. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Hoài A đã thừa nhận: Bà xâm phạm nguồn tiền vay của ông C là: 1.500.000.000 đồng.

Thời điểm này, Ngân hàng TMCP P - Chi nhánh T2 đã phong tỏa tài khoản cá nhân của ông C và ông M. Đến ngày 30 hoặc ngày 31 tháng 3 năm 2023, Phòng G - Chi nhánh T2 Ngân hàng TMCP P hủy bỏ phong tỏa số tiền 1.370.000.000 đồng thuộc thông tin tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn M đã chuyển 1.370.000.000 đồng cho ông C.

Vì vậy, ông M đề nghị Tòa án xem xét kiến nghị đến Ngân hàng TMCP P xóa lịch sử nguồn tiền 1.370.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Hoài A chuyển cho ông M thụ hưởng, hành vi bà A gây ảnh hưởng xấu đến lịch sử sử dụng thông tin tài khoản cá nhân của ông M.

- Ông Nguyễn Hữu Đăng K trình bày:

Tại thời điểm giải quyết hồ sơ vay, ông Nguyễn Hữu Đăng K là nhân viên tín dụng của Ngân hàng O nên thực hiện các thủ tục tín dụng để Ngân hàng và ông Nguyễn Đình C ký kết Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 01/3/2023 đã được giải ngân theo Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KUNN-CN ngày 02/3/2023, số tiền giải ngân là 1.500.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền hàng, đối tượng được giải ngân tên Nguyễn Thị Hoài A, số tài khoản 0053100013074007, ông K có quen biết với bà A nên nhờ bà A đứng ra giải ngân cho ông C.

Ngân hàng O xác lập quan hệ tín dụng “vay thanh toán tiền hàng” cho ông C căn cứ vào thực tế khi vào kiểm tra cơ sở kinh doanh của khách hàng thì ông C có xưởng làm mộc tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Hợp đồng cung cấp hàng hóa số 0162/HĐCC/2023 ngày 16/02/2023 do ông C cung cấp.

Theo Thông tư Ngân hàng N2 số 21/2017/TT-NHNN ban hành ngày 29/12/20217 quy định về phương thức giải ngân vốn vay của các tổ chức tín dụng quy định theo Điều 8 khoản 3 cụ thể như sau: Đối với khách hàng: Cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán...nên ông K cho rằng chính ông Nguyễn Đình C chịu trách nhiệm cung cấp các chứng từ trên (được ký rõ trong các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, đề nghị vay vốn...).

Việc ông C trình bày ngày 02/3/2023 có người tên Nguyễn Thị Hoài A chuyển số tiền 1.370.000.000 đồng vào tài khoản ông C thì theo Biên bản làm việc tại Công an phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng ông C đã trình bày là do ông C yêu cầu bà A chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản Nguyễn Văn M. Ông K khẳng định ông không nhận số tiền nào trong tổng số tiền 1.500.000.000 đồng đã giải ngân cho ông C. Hiện nay, Ngân hàng O yêu cầu ông C trả tổng số nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 27/8/2025 là 1.979.556.484 đồng thì ông K không có ý kiến.

- Công ty B trình bày:

Khách hàng Nguyễn Đình C, sinh năm 1969, địa chỉ: số G đường T, tổ G, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng) có tham gia một hợp đồng bảo hiểm tại B với thông tin: Số HĐBH: 60517805; Ngày phát hành: ngày 28/02/2023; Phí bảo hiểm đã đóng: 20.008.000 đồng. Sau khi hợp đồng bảo hiểm được phát hành, khách hàng Nguyễn Đình C đã hủy hợp đồng trong thời gian 21 ngày cân nhắc. Theo quy định tại Điều 35 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, B đã hoàn lại toàn bộ khoản phí bảo hiểm đã đóng cho khách hàng Nguyễn Đình C vào ngày 24/03/2023. Như vậy, hợp đồng bảo hiểm nêu trên đã không có hiệu lực kể từ ngày phát hành.

Vì vậy, Công ty B cho rằng tranh chấp giữa Ngân hàng O và ông Nguyễn Đình C không liên quan đến hợp đồng bảo hiểm số 60517805 nên B kính đề nghị không tham gia các phiên làm việc và trong tất cả các buổi hòa giải, lấy lời khai, đối chất và xét xử liên quan đến vụ án này.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 450, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N2; Căn cứ Điều 7, 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP P đối với bị đơn, ông Nguyễn Đình C.

1.1 Buộc ông Nguyễn Đình C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP P tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/8/2025 là 1.979.556.484đ (một tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bốn trăm tám mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, lãi trong hạn là 77.592.127 đồng, lãi quá hạn: 388.997.260 đồng, lãi phạt chậm trả: 12.967.097 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 01/3/2023 và Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KU'NN-CN ngày 02/3/2023.

Kể từ ngày 28/8/2025, ông Nguyễn Đình C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Phương thức xử lý tài sản thế chấp:

- Trong trường hợp ông Nguyễn Đình C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành xử lý tài sản thế chấp là: Thửa đất số 170, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất: 714 đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309918, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01282 do Ủy ban nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03 tháng 8 năm 2005.

được ký thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp

quyền sử dụng đất số 0074/2023/BĐ-CN ngày 01/3/2023, được công chứng tại Văn phòng C1, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 000396, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD

để Ngân hàng TMCP P thu hồi nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 01/3/2023 và Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KU'NN-CN ngày 02/3/2023.

- Trường hợp ông Nguyễn Đình C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P trả lại cho ông Nguyễn Đình C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309918, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01282 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 03 tháng 8 năm 2005.

2. Án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 71.386.694,52 đồng (Bảy mươi một triệu, ba trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi bốn phẩy năm mươi hai đồng) ông Nguyễn Đình C phải chịu.

Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.306.164 đồng (Hai mươi chín triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, một trăm sáu mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001066 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Đà Nẵng).

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Ngân hàng TMCP P tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp, đã chi.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng, yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng: Không yêu cầu Ngân hàng N2 cung cấp Kết luận giám định có liên quan đến việc giải quyết vụ án, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử, sai lệch thông tin dẫn đến việc buộc ông C trả nợ số tiền gốc lãi tổng cộng 1.979.556.484 đồng là không đúng, gây thiệt hại cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm. Bị đơn đồng thời là người kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa nên không thực hiện được việc hoà giải trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về **nội dung** giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình C **và ông Nguyễn Văn M**, giữ nguyên bản sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đình C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Người kháng cáo ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoài A, Công ty B vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn M thì thấy:

Ngày 01/3/2023, ông Nguyễn Đình C đã ký Hợp đồng tín dụng số 0074/2023/HĐTD-OCB-CN để vay của Ngân hàng TMCP P số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả nợ là ngày 02/3/2024. Ông C đã xác nhận nợ với Ngân hàng thông qua Khế ước nhận nợ số 0074/2023/OCB/KU'NN-CN ngày 02/3/2023.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông C đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP P: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 17, tại số G đường T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 309918, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: H 01282 do UBND quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/8/2005 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0074/2023/BĐ-CN ngày 01/3/2023 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Xét thấy, việc vay tiền và thế chấp tài sản của ông Nguyễn Đình C với Ngân hàng TMCP P là xuất phát từ nhu cầu tự nguyện, sự thỏa thuận của hai bên, đáp ứng đầy đủ điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Hiện nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Đình C vẫn không trả nên Ngân hàng TMCP P khởi kiện đòi nợ và yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đình C phải trả số tiền tổng cộng tính đến ngày 27/8/2025 là: 1.979.556.484 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 77.592.127 đồng, nợ lãi quá hạn: 388.997.260 đồng, nợ lãi phạt chậm trả: 12.967.097 đồng là có cơ sở nên Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Đình C trả nợ và tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, trong trường hợp ông C không trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với các chứng cứ khách quan có trong

hồ sơ vụ án và đúng quy định tại Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 299, khoản 2 Điều 322, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ mới, không có tình tiết mới làm thay đổi quyết định của bản án sơ thẩm. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên toà cũng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật **tố tụng** dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình C và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117, 299, 319, 322, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đình C và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M.

II. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng.

III. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình C, ông Nguyễn Văn M phải chịu mỗi người 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp tại 02 biên lai thu số 0002540 và số 0002544 cùng ngày 26/9/2025 của Thi hành án **dân sự thành phố** Đà Nẵng. Ông Nguyễn Đình C và ông Nguyễn Văn M đã thi hành xong nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- TAND Khu vực 3-ĐN;
- Phòng THADS Khu vực 3-ĐN;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo